

HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

IV#: _____

VEWL.#: _____

I-171#: Y NO

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM LE QUANG TÂN
Last Middle First

Current Address: B 49, ẤP CHỖ NHỎ, XÃ TẮNG NHỎN PHÚ, HUYỆN THỦ ĐỨC, TP. HỒ CHÍ MINH

Date of Birth: APRIL / 4 / 1940 Place of Birth: SAIGON

Previous Occupation (before 1975) 1st LIEUTENANT OF THE ARVN, BRANCH: MILITARY POLICE
(Rank & Position) ASSISTANT COMPANY COMMANDER (CI)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From APR / 30 / 1975 To MAY / 31 / 1978
Years: 3 Months: 1 Days: 1

3. SPONSOR'S NAME: USCC (DIOCESE OF MEMPHIS)
Name

Address and Telephone Number _____

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone Number

Relationship

VÕ THỊ THU HÀ

MY WIFE'S NIECE

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : LÊ QUANG TÂN
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
TIÊN THỊ NGÃ	10/15/1941	WIFE
LÊ THỊ HỒNG LIÊN	3/2/1967	DAUGHTER
LÊ THỊ HỒNG VÂN	9/18/1968	DAUGHTER
LÊ QUANG LIÊM	6/7/1970	SON
LÊ THỊ HỒNG LOAN	2/15/1972	DAUGHTER
LÊ QUANG MINH	12/22/1974	SON

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

INTAKE FORM (Two Copies)
 MAU DON VE LY-LICH

NAME (Ten Tu-nhan) : LE QUANG TAN
 Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)

DATE, PLACE OF BIRTH : APRIL 04 1940
 (Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): X Female (Nu): _____

MARITAL STATUS Single (Doc than): _____ Married (Co lap gia dinh): X
 (Tinh trang gia dinh):

ADDRESS IN VIETNAM : B 49 ẤP CHỖ NHỎ, XÃ TĂNG NHƠN PHÚ
 (Dia chi tai Viet-Nam) HUYỆN THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) X No (Khong) _____
 If Yes (Neu co): From (Tu): APR/30/1975 To (Den): MAY/31/1978

PLACE OF RE-EDUCATION: _____
 CAMP (Trai tu)

PROFESSION (Nghe nghiep): QUÂN CẢNH TỬ PHÁP

EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): THE G COURSE, FORT GORDON, MP SCHOOL
 VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): 1st LIEUTENANT OF THE ARVN, MILITARY POLICE (CI)
 VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): ASSISTANT COMPANY COMMANDER
 Date (nam): _____

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): _____
 IV Number (So ho so): _____
 No (Khong): X

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): 6
 (Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi ti

MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): B 49 ẤP CHỖ NHỎ
XÃ TĂNG NHƠN PHÚ, HUYỆN THỦ ĐỨC, TP HỒ CHÍ MINH

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro):
VÕ THỊ THU HÀ

U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky): Yes (co): X No (Khong): _____

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): DƯƠNG RÊ

NAME & SIGNATURE: VÕ THỊ THU HÀ
 ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
 (Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay) _____
Võ Thị Thu Hà

DATE: September 19 1989
 Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : LÊ QUANG TÂN
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
TIÊN THỊ NGÀ	10/15/1941	WIFE
LÊ THỊ HỒNG LIÊN	3/2/1967	DAUGHTER
LÊ THỊ HỒNG VÂN	9/18/1968	DAUGHTER
LÊ QUANG LIÊM	6/7/1970	SON
LÊ THỊ HỒNG LOAN	2/15/1972	DAUGHTER
LÊ QUANG MINH	12/22/1974	SON

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

INTAKE FORM (Two Copies)
 MAU DON VE LY-LICH

NAME (Ten Tu-nhan) : LÊ QUANG TÂN
 Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)
 DATE, PLACE OF BIRTH : APRIL 04 1940
 (Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): X Female (Nu): _____

MARITAL STATUS Single (Doc than): _____ Married (Co lap gia dinh): X
 (Tinh trang gia dinh):

ADDRESS IN VIETNAM : B 49 ẤP CHỖ NHỎ, XÃ TẮNG NHỎN PHÚ
 (Dia chi tai Viet-Nam) HUYỆN THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) X No (Khong) _____

If Yes (Neu co): From (Tu): APR/30/1975 To (Den): MAY/31/1978

PLACE OF RE-EDUCATION: _____
 CAMP (Trai tu)

PROFESSION (Nghe nghiep): QUÂN CẢNH TỬ PHÁP

EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): THE CICOURSE FORT GORDON MP SCHOOL
 VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): 1st LIEUTENANT OF THE ARVN MILITARY POLICE (CI)
 VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): ASSISTANT COMPANY COMMANDER
 Date (nam): _____

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): _____
 IV Number (So ho so): _____
 No (Khong): X

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): 6
 (Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi tiep

MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): B 49 ẤP CHỖ NHỎ, XÃ TẮNG NHỎN PHÚ
HUYỆN THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Ngươi Bao tro):
VÕ THỊ THU HÀ

U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky): Yes (co): X No (Khong): _____

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): DƯƠNG KẾ

NAME & SIGNATURE: VÕ THỊ THU HÀ

ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
 (Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay)

Võ Thị Thu Hà

DATE: September 19 1989
 Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : LÊ QUANG TÂN
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
TIÊN THỊ NGÀ	10/15/1941	WIFE
LÊ THỊ HỒNG LIÊN	3/2/1967	DAUGHTER
LÊ THỊ HỒNG VÂN	9/18/1968	DAUGHTER
LÊ QUANG LIÊM	6/7/1970	SON
LÊ THỊ HỒNG LOAN	2/15/1972	DAUGHTER
LÊ QUANG MINH	12/22/1974	SON

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

IV#: _____

VEWL.#: _____

I-171#: Y NO

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM LE QUANG TAN
Last Middle First
- Current Address: B 49, ẤP CHỖ NHỎ, XÃ TĂNG NHƠN PHÚ, HUYỆN THỦ ĐỨC, TP HỒ CHÍ MINH
- Date of Birth: APRIL / 4 / 1940 Place of Birth: SAIGON
- Previous Occupation (before 1975) 1st LIEUTENANT OF THE ARVN, BRANCH: MILITARY POLICE (CI)
(Rank & Position) ASSISTANT COMPANY COMMANDER
2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From APR / 30 / 1975 To MAY / 31 / 1978
Years: 3 Months: 1 Days: 1
3. SPONSOR'S NAME: USCC (DIOCESE OF MEMPHIS)
Name
Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone Number	Relationship
<u>VÕ THỊ THU HÀ</u>	<u>MY WIFE'S NIECE</u>
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : LÊ QUANG TÂN
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
TIÊN THỊ NGÃ	10/15/1941	WIFE
LÊ THỊ HỒNG LIÊN	3/2/1967	DAUGHTER
LÊ THỊ HỒNG VÂN	9/18/1968	DAUGHTER
LÊ QUANG LIÊM	6/7/1970	SON
LÊ THỊ HỒNG LOAN	2/15/1972	DAUGHTER
LÊ QUANG MINH	12/22/1974	SON

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV.# _____

VEWL.# _____

I-171: Y N

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM LE QUANG TAN
Last Middle First

Current Address: BHQ ẤP THANH PHÚ TẶNG NHÒN PHÚ THỦ ĐỨC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Date of Birth: APRIL 4, 1940 Place of Birth: SÀI GÒN

Previous Occupation (before 1975) 1ST LIEUTENANT OF THE ARVN - MILITARY POLICE (C.I.)
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From APRIL 30, 1975 To MAY 31, 1978
Years: 3 Months: 1 Days: 1

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone Number

Relationship

VÕ THỊ THU HÀ -

WIFE'S NIECE

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: MAY 18, 1989

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
TIÊN THỊ NGÃ	Oct 15, 1941	WIFE
LÊ THỊ HỒNG LIÊN	Mar 2, 1967	DAUGHTER
LÊ THỊ HỒNG VÂN	Sep 18, 1968	DAUGHTER
LÊ QUANG LIÊM	JUN 7, 1970	SON
LÊ THỊ HỒNG LOAN	Feb 15, 1972	DAUGHTER
LÊ QUANG MINH	Dec 22, 1974	SON

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

ADDITIONAL INFORMATION :

INTAKE FORM (Two Copies)
 MAU DON VE LY-LICH

HỒ SƠ BỒ TẾC

NAME (Ten Tu-nhan) : LE QUANG TAN
 Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)
 DATE, PLACE OF BIRTH : 04 4 1940
 (Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)
 SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): MALE Female (Nu): _____
 MARITAL STATUS Single (Doc than): _____ Married (Co lap gia dinh): ✓
 (Tinh trang gia dinh):
 ADDRESS IN VIETNAM : BHQ ẤP THANH PHU XÃ TẮNG NHƠN PHU
 (Dia chi tai Viet-Nam) HUYỆN THỦ ĐỨC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
 POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) ✓ No (Khong) _____
 If Yes (Neu co): From (Tu): APRIL 30, 1975 To (Den): MAY 31, 1978
 PLACE OF RE-EDUCATION: CHƯỜNG THIÊN
 CAMP (Trai tu)
 PROFESSION (Nghe nghiệp): WORKER
 EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): 9/1965 to 1/1966 - CRIMINAL INVESTIGATION
 VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): 1ST LIEUTENANT OF THE A.R VN
 VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): _____ Date (nam): _____
 APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): _____
 IV Number (So ho so): _____
 No (Khong): NO
 NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): SIX
 (Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi tiep
 MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): BHQ ẤP THANH PHU XÃ TẮNG
NHƠN PHU HUYỆN THỦ ĐỨC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
 NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Ngươi Bao tro):
✓6 THỊ THU HA -
 U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky): Yes (co): YES No (Khong): _____
 RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): WIFE'S NIECE
 NAME & SIGNATURE: [Signature]
 ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
 (Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay) NGUYỄN VĂN
SÁNH -
 DATE: MAY 18 1989
 Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
TIEN THI NGÀ	Oct 15, 1941	WIFE
LÊ THỊ HỒNG LIÊN	Mar 2, 1957	DAUGHTER
LÊ THỊ HỒNG VÂN	Sep 18, 1968	DAUGHTER
LÊ QUANG LIÊM	JUN 7, 1970	SON
LÊ THỊ HỒNG LOAN	Feb 15, 1972	DAUGHTER
LÊ QUANG MINH	Dec 22, 1974	SON

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

Oremphis, Sep 19th 1989

Kính gửi

Bà Khúc Minh Thư.

Quốc hết cháu cảm ơn bà cũng
quý Hội đã gửi các mẫu đơn hồ sơ đơn
tự cho dương cháu là Lê Quang Tân.

Vậy hôm nay cháu kính gửi đến bà
cũng quý Hội các mẫu đơn mà cháu đã
điền rồi (mỗi thứ 2 bản). những tài liệu
cần bổ túc thì cháu không có ở đây.

Vậy kính xin bà và quý Hội coi lại thủ
của ông NGUYỄN VĂN SÁNH là cậu cháu đã
gửi hồ sơ của LÊ QUANG TÂN cho bà rồi.
cậu cháu hiện ở CANADA địa chỉ như sau:

NGUYỄN VĂN SÁNH

L4W3J8 CANADA

Chân thành cảm ơn bà cũng quý
Hội nhiều. Nếu cần thêm chi tiết bất cứ
chuyện gì v.v. xin bà cũng quý Hội vui

lông gọi collect.phone cho cháu buổi
tối thì mới có người ở nhà hoặc sáng
sớm. Điện thoại cháu là :

* Địa chỉ cháu :
VÕ THỊ THU HÀ

Kính thư
Chưa
VÕ THỊ THU HÀ

CHỘNG HÒA
THỂ CÁN QUỐC

Số 03595545

Họ Tê LÊ QUANG TÂN



Ngày, hoi sinh 04.11.1940

CHỖ TẠM

NGUYỄN KIM ANH

523/1 T. PHU TH. ANH TÂN
T. GON

những cách 3 được nêu

ở 2.6

1.6

1.6

1.6

1.6

1.6

LƯU KIỂM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số 024571406

Họ tên TIỀN THỊ NGÀ

Sinh ngày 15-10-1942

Nguyên quán Hậu Giang.

Nơi thường trú 1/49 Chợ Nhỏ,
Thị trấn, xã Hồ Chí Minh.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 022546666

Họ tên LÊ THỊ HỒNG LIÊN



Sinh ngày 2-3-1967

Nguyên quán Quận 3,

TP. Hồ Chí Minh.

Nơi thường trú Hà 9 Tầng Nhon Phố

Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.

Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không



NGÓN TRỎ TRÁI

ĐẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

Sọc chấm cách 0,6cm
sau nếp phải.



NGÓN TRỎ PHẢI

Ngày 25 tháng 7 năm 1988

KẾ GIẢM QUỐC HỘ LỰC TRƯỞNG TỶ CÔNG AN



Trần Văn
Viết Thanh



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

SỐ ~~02.178.2540~~

Họ tên LÊ THỊ TÙNG VÂN

Sinh ngày 1968

Nguyên quán Quận 01

TP. Hồ Chí Minh

Nơi thường trú Bà Trưng Nhân Phú

Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Phật

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH

Sẹo chân gịch, lẹo
dưới mắt da mặt trái

NGƯỜI TRỢ TRÁI:

NGƯỜI TRỢ PHẢI:

Ngày tháng 11 năm 1984

TRƯỞNG TY CÔNG AN



Trần Văn
Chanh Văn



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 0225-EGS7

Họ tên LÊ QUANG LIÊM

Sinh ngày 7-6-1970

Nguyên quán Quận 3,

TP. Hồ Chí Minh.

Nơi thường trú B/19 Tầng Nhon Hu

Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh



Dân tộc:

Kinh

Tôn giáo:

Phật

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH

Sẹo chàm cách 1 cm
trên trước đầu mày
trái

Ngày 25 tháng 7 năm 1988

THAM DỐC ĐẮC TRƯỞNG TÝ CÔNG AN



Handwritten signature

Viết Thanh

NGƯỜI TRÁI

NGƯỜI TRÁI



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 022346666

Họ tên LE THI HỒNG LOAN

Sinh ngày 15-2-1972

Nguyên quán Quận 3,

TP. Hồ Chí Minh.

Nơi thường trú El 9, Tầng Nhonhú

Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.

Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Phật

ĐẦU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH

NGÓN TRỎ TRÁI

Sẹo tròn 0,3 cm cách
1,8 cm dưới sau mép
phải.

Ngày 25 tháng 7 năm 1988

THỦ QUẢN ĐỐC ĐOÀNG TRƯỞNG TỶ CÔNG AN

NGÓN TRỎ PHẢI



Viết Thanh

(C) LẤY RA TRẠI

Y

Căn cứ chỉ thị số 316/PTG ngày 22-08-1977 của Thủ Tướng Chính Phủ nước Cộng-Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam về chính sách đối với binh sĩ, nhân viên các cơ-quan chính quyền của chế độ cũ, và Đảng phái phản động hiện đang bị tập trung cải tạo.

Căn cứ thông tư Liên Bộ Quốc-Phòng - Bộ Nội Vụ số 119-QĐ ngày 03-03-1978 về việc thực hiện chỉ thị số 316/PTG ngày 22-08-1977 của Thủ Tướng Chính Phủ.

Thực hiện quyết định số 119-QĐ ngày 03-03-1978 của Bộ Trưởng Bộ Nội Vụ.

CẤP GIẤY RA TRẠI

Họ và tên :

LÊ-QUANG-TÂN

Ngày, tháng, năm sinh : 04-04-1940

Quê quán : Saigon

Trú quán : B-49 Ấp Chợ-Nhỏ, Tăng-nhon-Phủ, Thủ-Đức

Số lính, cấp bậc, chức vụ trong bộ máy chính quyền, quân sự và các tổ chức chính trị, phản động của chế độ cũ : 60/138.129 Trung-Ưở Trưởng Toán Điều Tru tại nạn C 42 Quân Cảnh.

- Khi về, phải trực tiếp trình ngay giấy này với Ủy Ban Nhân Dân và Công-An Xã, Phường : B-49 Ấp Chợ-Nhỏ, xã Tăng-nhon-Phủ thuộc Huyện, Quận : Thủ-Đức Tỉnh, Thành Phố : Hồ-chí-Minh.

và phải tuân theo các quy định của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh, Thành Phố về việc quản chế, về nơi cư trú và các mặt quản lý khác :

- Thời hạn quản chế : 1 năm (một năm)

- Thời hạn đi đường : 23/05 đến hết 31/05/1978 ngày (kể từ ngày ký giấy ra trại).

- Tiền và lương thực đi đường đã cấp : Sinh hoạt phí tháng 05, tiền ăn 3 ngày, tiền tàu xe về nhà.

Y SAO : Phòng Chính-Trị

Sư Đoàn 4

(đã ký)

Trung-Tá : PHẠM THANH KÝ

Ngày 25 tháng 04 năm 1978.

Thủ Trưởng Bộ Nội Vụ

(đã ký)

CAO-VĂN-THIẾT.

- SAO Y BAN CHANH -



CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH, CHỦ TỊCH ỦY BAN CHẤP HÀNH
HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ VÀO SÁCH SÁCH

CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH, CHỦ TỊCH ỦY BAN CHẤP HÀNH
HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ VÀO SÁCH SÁCH

CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH, CHỦ TỊCH ỦY BAN CHẤP HÀNH
HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ VÀO SÁCH SÁCH

Đã tại Chủ tịch

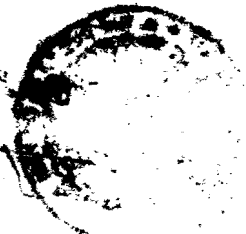
7/10/9/64

TỔ CHỨC

[Signature]
PNS.

CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH, CHỦ TỊCH ỦY BAN CHẤP HÀNH
HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ VÀO SÁCH SÁCH

CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH, CHỦ TỊCH ỦY BAN CHẤP HÀNH
HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ VÀO SÁCH SÁCH



VIỆT-NAM CỘNG-HOÀ
République du Viêt-Nam

BỘ TƯ- PHÁP
Département de la Justice

SỞ TƯ- PHÁP NAM- PHÂN
Service Judiciaire du Sud Viêt-Nam

PHÒNG LỤC-SỰ TOÀ SỞ-THẨM SAIGON

(GREFFE DU TRIBUNAL DE 1ère INSTANCE DE SAIGON)

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

(Extrait du registre des actes de naissance)

CHOLON

(NAM-PHÂN)
(Sud-Viêt-Nam)

NĂM
(Année)

1940

SỐ HIỆU
(Acte No)

2694

Tên, họ đứa con nít (Nom et prénom de l'enfant)	Lê quang Tân
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	Masculin
Sanh ngày nào (Date de naissance)	4 / 4 / 1940
Sanh tại chỗ nào (Lieu de naissance)	4 Bd Frédéric Drouhet
Tên, họ cha (Nom et prénom du père)	Lê văn Ngay
Cha làm nghề gì (Sa profession)	Infirmier principal
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Rue Général Lizé Saigon
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	Nguyễn Kim Anh
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	Sans profession
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Rue Général Lizé Saigon
Vợ chánh hay thứ (Son rang de femme mariée)	Premier rang

Chúng tôi,
(Nous) **Tôn thất Hiệp**
được Chánh-án Toà Saigon U.N.
(Président du Tribunal)
chứng cho hợp-pháp chữ ký tên của
(Certifions l'authenticité de la signature de)
Ông
(M.) **Phan văn Truyền**
Chánh Lục-sự Toà-án sở tại.
(Cher en Chef dudit Tribunal).

Trích y bản chánh :
(Pour extrait conforme) :

Saigon, ngày 196

CHÁNH LỤC-SỰ / 3
(LE GREFFIER EN CHEF)

Saigon, ngày 196
T. U. N. **THẨM- PHÁN,**
(LE PRÉSIDENT)



Giá tiền :
(Coût)

Biên-lai số :

(Quittance n°)

33335/54

VIỆT-NAM CỘNG HOÀ
République du Viêt-Nam

BỘ TƯ-PHÁP
Département de la Justice

SỞ TƯ-PHÁP NAM-PHẦN
Service Judiciaire du Sud-Vietnam

PHÒNG LỤC-SỰ TOÀ VINH LONG

(GREFFE DU TRIBUNAL DE _____)

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH Làng Bình-Ninh

(Extrait du registre des actes de naissance)

Căn-Thờ nay là VINH LONG

(NAM-PHẦN)
(Sud-Vietnam)

NĂM 1941
(Année)

SỐ HIỆU 81
(Acte N°)

Tên, họ đứa con nít (Nom et prénom de l'enfant)	LOT CUOC
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	Do án nguyên đơn số 2978, ngày 18-
Sinh ngày nào (Date de naissance)	8-1961, Toà Sơ-Thẩm Vĩnh Long phán rằng:
Sinh tại chỗ nào (Lieu de naissance)	tên Tiên-thị-Ngà, nữ, sinh ngày 15
Tên họ cha (Nom et prénom du père)	tháng 10 năm 1941, tại xã Bình-Ninh
Cha làm nghề gì (Sa profession)	(Căn-thờ) nay là Vĩnh Long, con chánh-thức cu
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	của Tiên-văn-Cửu (chết) và của Nguyễn-
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	thị-Lãnh ./.
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	Vĩnh Long, ngày 10-10-1961
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Chánh Lục-Sự,
Vợ chánh hay vợ thứ (Son rang de femme mariée)	Ký tên : Huỳnh-Kim-Khiết (Nhận dấu)

Chúng tôi, Lê-văn-Đầu, Thẩm-Phán
(Nous)

T.U.N. Chánh-án Toà Vĩnh Long
(Président du Tribunal)

chứng cho hợp-pháp chữ ký tên của
(Certifions l'authenticité de la signature de)

Ông Võ-Thành-Liêm
(M.)

Chánh Lục-sự Toà-án sơ tại
(Greffier en chef du tribunal)

Vĩnh Long ngày 18/5 1965

T. U. N. CỘNG-HOÀ
(Président)

CHÍNH-ÁN

TOÀ SƠ-THẨM VINH LONG

CHÍNH-ÁN

TOÀ SƠ-THẨM VINH LONG

Trích y hân chánh,
(Pour extrait conforme),

Vĩnh Long ngày 18/5 1965



Giá tiền :
(Coût)
Biên-lai số :
(Quittance N°)

TRƯỜNG LUYỆN SƯ TỐT

TRƯỜNG LUYỆN SƯ TỐT

TRƯỜNG LUYỆN SƯ TỐT

TRƯỜNG LUYỆN SƯ TỐT

TRƯỜNG LUYỆN SƯ TỐT

TRƯỜNG LUYỆN SƯ TỐT

TRƯỜNG LUYỆN SƯ TỐT

TRƯỜNG LUYỆN SƯ TỐT

TRƯỜNG LUYỆN SƯ TỐT

TRƯỜNG LUYỆN SƯ TỐT

TRƯỜNG LUYỆN SƯ TỐT

TRƯỜNG LUYỆN SƯ TỐT

TRƯỜNG LUYỆN SƯ TỐT

TRƯỜNG LUYỆN SƯ TỐT

TRƯỜNG LUYỆN SƯ TỐT

TRƯỜNG LUYỆN SƯ TỐT

TRƯỜNG LUYỆN SƯ TỐT



Nguyễn Văn...

VIỆT-NAM CÔNG-HOÀ

BẢN TRÍCH LỤC

TỈNH TAI-NAMKXã TAI-NAM

BỘ HÔN-THÚ (BỘ#####)

Năm 1996Số hiệu: 07

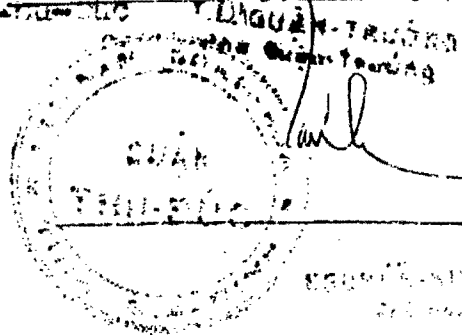
Người chồng: (Tên họ)	Lê-quang-ôn
Sinh tại:	Xã B. Broderic Brouhet
Sinh ngày:	04 tháng 4 năm 1940
Cha chồng: (Tên họ, sống chết phải nói)	Lê-văn-Tây (chết)
Mẹ chồng: (Tên họ, sống chết phải nói)	Nguyễn-Lâm-Anh (sống)
Người vợ: (Tên họ)	Nguyễn-Thị-Ngà
Vợ (chính hay vợ thứ)	//
Sinh tại:	Bình-Hành (Lê-Thơ)
Sinh ngày:	15 tháng 10 năm 1941
Cha vợ: (Tên họ, sống chết phải nói)	Tiền-văn-Đu (chết)
Mẹ vợ: (Tên họ, sống chết phải nói)	Nguyễn-Thị-Linh (sống)
Ngày cưới:	Mười ba tháng tám năm một ngàn chín trăm sáu mươi sáu.
Vợ chồng có khai nhận con tư-sanh làm con chánh-thức không? Họ, tên, tuổi, ngày sinh, nơi sinh, của mỗi con tư-sanh nhận là con chánh-thức:	//

Chứng thật chữ ký bên đây là của Ông Chủ-Tịch
Kiêm Ủy-viên Hộ-tịch Xã

Trích y bản chánh:

ngày 07 tháng 06 năm 1996

ngày 07 tháng 06 năm 1996
Ủy-viên Hộ-tịch,



AM PHÂN
NH SAIGON .

86 2155 .

VIET NAM CONG HOA

TRÍCH - LỤC BỘ KHAI - SINH

Năm một ngàn chín trăm sáu mươi bảy (1967) .

Tên, họ đầy đủ : LÊ THỊ HỒNG LIÊN

Phenol : Nitro

Ngày sinh : Họ, tháng, năm, một ngàn chín trăm bốn mươi hai (1962)

Họ tên : Sĩ Gòn, 455 Phan Đình Phùng

Tên họ người Cha: LÊ QUANG TÂN

Nghề-nghiep : Quân-nhận .

Hội cử-nguy : Sđ Công , 576/126 , Phan Thanh Giản .

Tên, họ người Mẹ : TIỀN THỊ NGÀ

Nghề-nghiệp : Hội-trợ .

Nơi cư ngụ : Sài Gòn, 578/126, Phạm Thanh Niên.

Vợ chính hay thứ: Vợ Chính .

MIỀN LÊ PHÍ
ở ngoài sông Quan-Đội

~~SECRET~~

B.C. 5156, Ngày 26 tháng 08 năm 1974

ĐẠI - ĐAI THƯỜNG ĐAI - ĐAI 36 QC/DTTP.

TRÍCH LỤC Y HỒN CHANH

Số 001 ngày 9 tháng 3 Năm 1967 .

TUN, Đỗ-Trưởng Sài Gòn.

TL. QUÂN-TRƯỞNG QUÂN BA,

(Kỷ tôn và danh hiệu)

NGUYỄN PHƯỚC HOÀ

NAM PHÂN
ĐO THÀNH SÀI GÒN
TỔ HÀNH CHÁNH QUẬN 3
SỐ HIỆU 8361.

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

HỢP-TỊCH

TRÍCH LỤC BỘ KHAI SANH.

Năm một ngàn chín trăm sáu mươi tám.

Tên, họ đứa nhỏ	: Lê Trí Hùng Văn.
Phái	: Nữ
Ngày sinh	: Mười tám tháng chín năm một ngàn chín trăm sáu mươi tám.
Nơi sinh	: Sài Gòn 55 Phạm Đình Phùng.
Tên họ người Cha	: Lê Quang Tân.
Thời	: Hai mươi tám.
Nghề nghiệp	: Quân nhân.
Nơi cư ngụ	: Sài Gòn 578/126 Phạm Thanh Giản.
Tên họ người Mẹ	: Tôn Thị Nga.
Thời	: Hai mươi bảy.
Nghề nghiệp	: Nội-Trợ
Nơi cư ngụ	: Sài Gòn 518/126 Phạm Thanh Giản.
Vợ chánh hay thứ	: Vợ Chánh.

SỞ Y DÂN CHÍNH

KBC 3156, Ngày 28 tháng 08 năm 1974

Sĩ Quan LÊ MÔNG GIAO

Đại-Đại-Trưởng Đại-Đại 36 QG/BTP.

Làm tại Sài Gòn Ngày 21 tháng 9 năm 1968.

TRÍCH LỤC Y HÔN CHÍNH T/S

Sài Gòn ngày 2 tháng 10 năm 1968

T/L/Quản-Trưởng Quận 3.

(Ký tên và đóng dấu)

NGUYỄN PHƯỚC HOÀ

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

TỈNH GIA-ĐÌNH
QUẬN THỦ-ĐỨC

HỒ-SƠ QUẢN-LY
BẢN TRÍCH-LỤC

Xã TĂNG-NHƠN-PHÚ

BỘ KHAI - SINH

Năm 1970

Số hiệu 347

Tên họ ấu nhi	LÊ-QUANG-LIỆM
Phái	Nam
Sinh (ngày tháng năm)	Ngày bảy tháng sáu, năm một nghìn chín trăm bảy mươi lăm, 3 giờ.
Tại	Tăng-nhơn-Phú (Vào sinh Trần Công)
Cha (Tên họ)	Lê Quang Tôn
Nghề	Quản lý
Cư trú tại	KBC 16-4/45
Mẹ (Tên họ)	Tiền Thị Nghi
Nghề	Buôn bán
Cư trú tại	Số 528/5/47 Phan Thanh Giản, Sài Gòn
Vợ	Vợ chết

KIẾN THỊ VÀ CHỨNG THỰC

Chữ ký của Ông Phó Xã-trưởng H.C
Xã Tăng-nhơn-Phú ngang đây.

Thủ-Đức, ngày 30 tháng 6 năm 1970

TUN. QUẢN-TRƯỞNG

CHỨNG THỰC

Chữ ký Bên đây của Ông Ủy-Viên Hộ-Tịch

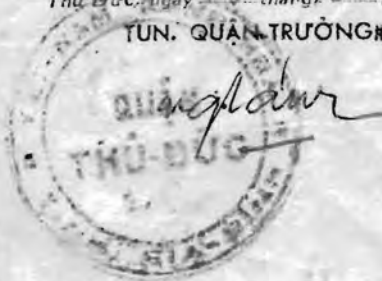
Tăng-nhơn-Phú, ngày 10 tháng 6 năm 1970

T.L. XÃ-TRƯỞNG

TRÍCH Y BẢN CHÁNH

Tăng-nhơn-Phú, ngày 10 tháng 6 năm 1970

ỦY VIÊN HỘ TỊCH



Handwritten signature and text.

NGUYỄN-VĂN-MUỘI

NGUYỄN-VĂN-MUỘI

TRẦN-HOÀNG-LANG

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

TỈNH GIA-ĐÌNH
QUẬN THỦ-ĐỨC

9/10b

Xã TĂNG-NHƠN-PHÚ

BỔN TRÍCH-LỤC
BỘ KHAI - SINH

Năm 1.972

Số hiệu 98

Tên họ ấu nhi	LÊ-THỊ HỒNG-LOAN
Phái	Nữ
Sinh	Ngày mùng tám tháng hai năm một ngàn chín trăm bảy mươi hai, Q4 giờ.
(ngày tháng năm)	
Tại	Tăng-Nhơn-Phú (Bể Sinh TRẦN-CÔNG)
Cha	LÊ-QUANG-TÂN
(Tên họ)	
Nghề	Quân Nhân
Cư trú tại	K.B.C 4.636
Mẹ	TIỀN-THỊ-NGÀ
(Tên họ)	
Nghề	Nội Trợ
Cư trú tại	Số 528/5/47 Phan-Thanh-Giản
Vợ	Vợ chính
(Chánh hay thứ)	

MIỄN - THỊ - THỰC

TC. Thông Tư số 4366/BNV/HC/29

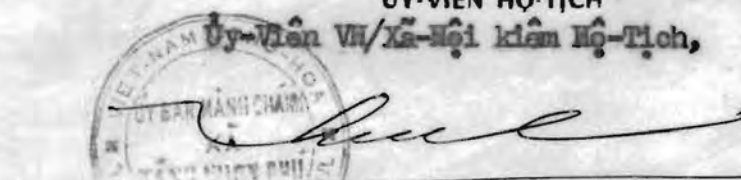
ngày 3-8-70 của Bộ Nội-Vụ

Trích y bốn chánh :

Tăng-Nhơn-Phú, ngày 21 tháng 02 năm 19 72

ỦY-VIÊN HỘ-TỊCH

Ủy-Viên VII/Xã-Hội kiêm Hộ-Tịch,


NGUYỄN-VĂN-CHIẾN.

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ỦY BAN NHÂN DÂN C.M.
Binh-Thành

Quận

Phường (Xã)

BẢN-SAO KHAI-SANH

Số hiệu 8455

Năm 1974

Lập ngày 27 tháng 12 năm 1974

Họ tên	LÊ QUANG MINH
Trai hay gái	Trai
Ngày, tháng, năm sanh	Ngày hai mươi hai tháng mười hai năm một ngàn chín trăm bảy mươi tư
Nơi sanh	Bình-Hòa xã
Họ tên, quốc tịch cha	LÊ QUANG TÂN. VN.
Họ tên, quốc tịch mẹ	TIỀN THỊ NGÀ. VN.
Cha mẹ có hôn thú không	Có

SAO LỤC

Thành-phố HỒ-CHÍ-MINH, ngày 04 tháng 9 năm 1976

ỦY-VIÊN HỘ-TỊCH



LÊ NGHI EM

THAY ĐỔI CHỖ Ở CẢ HỘ

Chứng nhận đã chuyển đến ở: _____

Chứng nhận đã chuyển đến ở: _____

Từ ngày _____ tháng _____ năm _____
Ký tên đóng dấu

Từ ngày _____ tháng _____ năm _____
Ký tên đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển đến ở: _____

Chứng nhận đã chuyển đến ở: _____

Từ ngày _____ tháng _____ năm _____
Ký tên đóng dấu

Từ ngày _____ tháng _____ năm _____
Ký tên đóng dấu

NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc

BẢN SAO

GIẤY CHỨNG NHẬN HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ THÀNH PHỐ

Số 950202 CN

Họ và tên chủ hộ: _____

Ấp, ngõ, số nhà: _____

Thị trấn, đường phố: _____

Xã, phường: _____

Huyện, quận: _____

Ngày 10 tháng 03 năm 1982

Trưởng Công an _____
(Ký tên đóng dấu và ghi rõ họ tên)



THÀNH TẠ NGUYỄN THAI HỒNG

Số NK: _____

15.

TRƯỜNG MINH THO



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số ~~0000000000~~ **0000000000**

Họ tên **LÊ THỊ HỒNG VÂN**

Sinh ngày **1966**

Nguyên quán **Quận 02**

TP. Hồ Chí Minh

Nơi thường trú **Số 1 Trưng Vương**
Phủ Đước, TP. Hồ Chí Minh

Dân tộc:

Khmer

Tôn giáo:

Phật

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH

Sẹo chân gích loma
dưới sau da mảy trái

tháng 11 năm 1984

KS. GIÁM ĐỐC T. T. TRƯỞNG TÝ CÔNG AN



Trần Văn
Chanh Văn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: ~~0000000000~~

Họ tên **LÊ QUANG LIÊM**

Sinh ngày **7-6-1970**

Nguyên quán **Quận 3,**

TP. Hồ Chí Minh.

Nơi thường trú **B/19 Tầng Nhon Phu**

Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Dân tộc:

Kinh

Tôn giáo:

Phật

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH

NGÓN TRỎ TRÁI

Sọc chấm cách 1 cm
trên trước đầu mày
trái

Ngày 25 tháng 7 năm 1988

NGÓN TRỎ PHẢI



CHỖ ĐÓNG DẤU TRƯỞNG TỶ CÔNG AN

Trần Văn Việt Thanh



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 022-01111

Họ tên LE THI HỒNG LOAN

Sinh ngày 15-2-1972

Nguyên quán Quận 3,

TP. Hồ Chí Minh.

Nơi thường trú B4 9 Tầng Nhon Thủ
Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.

Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Phật

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

Sẹo tròn 0,3 cm cách
1,8 cm dưới sau mồm
phải.

Ngày 25 tháng 7 năm 1988

NGƯỜI QUẢN LÝ HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN



Viết Chấn



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: ~~123456789~~

Họ tên **LÊ THỊ HỒNG LIÊN**



Sinh ngày **2-3-1967**

Nguyên quán **Quận 3,**

TP. Hồ Chí Minh.

Nơi thường trú **Phố 9 Tăng Nhơn Phú**

Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.

Dân tộc: **Kinh** Tôn giáo: **Không**

DẤU VẾT KIỀNG HOẶC DI HÌNH

Sẹo chằm cách 0,6cm
sau nếp phải.

Ngày 25 tháng 7 năm 1988

KY GIẢNG ĐỐC TRƯỞNG TY CÔNG AN



Chanh
Viết Chanh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: ~~021571408~~

Họ tên: **TIẾN TÀI NGÀ**

Sinh ngày: **15-10-1941**

Nguyên quán: **Huyện Gia Định.**

Nơi thường trú: **Đ. 4/9 Thạnh Mỹ,
Thị trấn, T. Hồ Chí Minh.**

Họ và tên

Trần Văn

Quê quán

Thị trấn

ĐIỀU CHỈNH CÔNG VIỆC

Đã làm việc tại đơn vị

từ ngày 10 tháng 9 năm 1978

đến ngày 10 tháng 9 năm 1978

NGƯỜI CHỈNH

Ngày 10 tháng 9 năm 1978

TU ĐỆM QUÂN QUẢN LÝ CÔNG VIỆC
PHÒNG QUẢN LÝ CÔNG VIỆC

NGƯỜI CHỈNH



CHỖ
CHỮ KÝ

VIỆT NAM CỘNG HÒA
CỘNG HÒA
THE CỘNG HÒA

SS 03593585

H. T. LÊ QUANG TÂN

Ngày, nơi sinh 01/1/1940
CH. T. C.

NGUYEN KIM ANH

524
PHANTH ANH GIANG
TOCH



những cách, 3 cách khác

đó là

1. Cách 1: ...
2. Cách 2: ...
3. Cách 3: ...

ĐO KIỂM NHÌN



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV.# _____
VEWL.# _____
I-171: Y N

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM LE QUANG TAN
Last Middle First

Current Address: BHQ ẤP THANH PHU TẶNG NHÒN PHU THỦ ĐỨC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Date of Birth: APRIL 4, 1940 Place of Birth: SÀI GÒN

Previous Occupation (before 1975) 1ST LIEUTENANT OF THE ARVN - MILITARY POLICE (C.I
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From APRIL 30, 1975 To MAY 31, 1978
Years: 3 Months: 1 Days: 1

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
<u>VÕ THỊ THU HÀ -</u>	<u>WIFE'S NIECE</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: MAY 18, 1989

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
TIÊN THỊ NGÃ	Oct 15, 1941	WIFE
LÊ THỊ HỒNG LIÊN	Mar 2, 1967	DAUGHTER
LÊ THỊ HỒNG VÂN	Sep 18, 1968	DAUGHTER
LÊ QUANG LIÊM	JUN 7, 1970	SON
LÊ THỊ HỒNG LOAN	Feb 15, 1972	DAUGHTER
LÊ QUANG MINH	Dec 22, 1974	SON

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

ADDITIONAL INFORMATION :

INTAKE FORM (Two Copies)
 MAU DON VE LY-LICH

NAME (Ten Tu-nhan) : LE QUANG TAN
 Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)
 DATE, PLACE OF BIRTH : 04 4 1940
 (Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)
 SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): MALE Female (Nu): _____
 MARITAL STATUS Single (Doc than): _____ Married (Co lap gia dinh): V
 (Tinh trang gia dinh):
 ADDRESS IN VIETNAM : BHQ ẤP THANH PHU XÃ TẮNG NHƠN PHU
 (Dia chi tai Viet-Nam) HUYỆN THỦ ĐỨC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
 POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) V No (Khong) _____
 If Yes (Neu co): From (Tu): APRIL 30, 1975 To (Den): MAY 31, 1975
 PLACE OF RE-EDUCATION: CHƯƠNG THIÊN
 CAMP (Trai tu)
 PROFESSION (Nghe nghiep): WORKER
 EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): 9/1965 to 1/1966 - CRIMINAL INVESTIGATION
 VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): 1ST LIEUTENANT OF THE A.R. VN
 VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): _____ Date (nam): _____
 APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): _____
 IV Number (So ho so): _____
 No (Khong): NO
 NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): SIX
 (Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi t
 MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): BHQ ẤP THANH PHU XÃ TẮNG
NHƠN PHU HUYỆN THỦ ĐỨC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
 NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro)
VỐ THÌ THU HÀ -
 U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky): Yes (co): YES No (Khong): _____
 RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): WIFE'S NIECE
 NAME & SIGNATURE: [Signature]
 ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
 (Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay) NGUYỄN VĂN
SAHA -
 DATE: MAY 16 1969
 Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
TIÊN THỊ NGÃ	Oct 15, 1941	WIFE
LÊ THỊ HỒNG LIÊN	Mar 2, 1967	DAUGHTER
LÊ THỊ HỒNG VÂN	Sep 18, 1968	DAUGHTER
LÊ QUANG LIÊM	JUN 7, 1970	SON
LÊ THỊ HỒNG LUAN	Feb 15, 1972	DAUGHTER
LÊ QUANG MINH	Dec 22, 1974	SON

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

ADDITIONAL INFORMATION :

(C) IẤY RA TRẠI
Y

Căn cứ chỉ thị số 316/Ttg ngày 22-08-1977 của Thủ Tướng Chính Phủ nước Cộng-Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam về chính sách đối với binh sĩ, nhân viên các cơ-quan chính quyền của chế độ cũ, và Đảng phái phản động hiện đang bị tập trung cải tạo.

Căn cứ thông tư Liên Bộ Quốc-Phòng - Bộ Nội Vụ số 119-QĐ ngày 03-03-1978 về việc thực hiện chỉ thị số 316/Ttg ngày 22-08-1977 của Thủ Tướng Chính Phủ.

Thi hành quyết định số 119-QĐ ngày 03-03-1978 của Bộ Trưởng Bộ Nội Vụ.

CẤP GIẤY RA TRẠI

Họ và tên : LÊ-QUANG-TÂN

Ngày, tháng, năm sinh : 04-04-1940

Quê quán : Saigon

Trú quán : B.49 Ấp Chợ-Nhỏ, Tăng-nhon-Phủ, Thủ-Đức

Số lính, cấp bậc, chức vụ trong bộ máy chính quyền, quân sự và các tổ chức chính trị, phản động của chế độ cũ : 60/138.189 Trung-Úy Trưởng Toán Điều Tra tại nạn C 42 Quân Cảnh.

- Khi về, phải tiếp trình ngay giấy này với Ủy Ban Nhân Dân và Công-An Xã, Phường : B.49 Ấp Chợ-Nhỏ, xã Tăng-nhon-Phủ thuộc Huyện, Quận : Thủ-Đức Tỉnh, Thành Phố : Hồ-chí-Minh.

và phải tuân theo các quy định của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh, Thành Phố về việc quản chế, về nơi cư trú và các mặt quản lý khác :

- Thời hạn quản chế : 1 năm (một năm)

- Thời hạn đi đường : 23/05 đến hết 31/05/1978 ngày (kể từ ngày ký giấy ra trại).

- Tiền và lương thực đi đường đã cấp : Sinh hoạt phí tháng 05, tiền ăn 3 ngày, tiền tàu xe về nhà.

Y SAO : Phòng Chính-Trị

Sư Đoàn 4

(đã ký)

Trung-Tá : PHAN THANH KÝ

Ngày 25 tháng 04 năm 1978.

Thủ Trưởng Bộ Nội Vụ

(đã ký)

CAO-VINH-THIÊN

- SAO Y BAN CHANH -

CHUNG NHẬN SAO Y BAN CHANH
Xuất trình : HUNDOS TANG NGUYEN PHU

6/1982

KA TNP



PHÒNG LỤC-SỰ TOÀ SƠ-THẨM SAIGON

(GREFFE DU TRIBUNAL DE 1^{ère} INSTANCE DE SAIGON)

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

(Extrait du registre des actes de naissance)

CHOLON

(NAM-PHẪN)

(Sud-Viêt-Nam)

NĂM
(Année)

1940

SỐ HIỆU
(Acte N°)

2694

Tên, họ đứa con nít (Nom et prénom de l'enfant)	Lê quang Tân
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	Masculin
Sinh ngày nào (Date de naissance)	4 / 4 / 1940
Sinh tại chỗ nào (lieu de naissance)	4 Bà Frédéric Drouhet
Tên, họ cha (Nom et prénom du père)	Lê văn Ngay
Cha làm nghề gì (Sa profession)	Infirmier principal
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Rue Général Lizé Saigon
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	Nguyễn Kim Anh
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	Sans profession
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Rue Général Lizé Saigon
Vợ chánh hay thứ (Son rang de femme mariée)	Premier rang

Chúng tôi,
(Nous) **Tôn thất Hiệp**
được Chánh-án Toà Saigon U.N.
(Président du Tribunal)
chứng cho hợp-pháp chữ ký tên của
(Certifions l'authenticité de la signature de)
Ông **Phan văn Truyền**
(M) **Phan văn Truyền**
Chánh Lục-sự Toà-án sơ tại
(Secrétaire en Chef dudit Tribunal).

Trích y bản chánh :
(Pour extrait conforme) :

Saigon, ngày 196

CHÁNH LỤC-SỰ /
(LE GREFFIER EN CHEF)

3

Saigon, ngày 196

T. U. N. KHANH HAN,
(LE PRÉSIDENT)
THẨM-PHÁN.

3

Giá tiền :
(Coût)

Biên-lai số :
(Quittance n°)

33335/54

VIỆT-NAM CỘNG HÒA

République du Viêt-Nam

BỘ TƯ-PHÁP

Département de la Justice

SỞ TƯ-PHÁP NAM-PHẦN

Service Judiciaire du Sud-Vietnam

PHÒNG LỤC-SỰ TOÀ VINH LONG

(GREFFE DU TRIBUNAL DE)

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH Làng Bình-Ninh

(Extrait du registre des actes de naissance)

căn-Thờ nay là VINH LONG

(NAM-PHẦN)

(Sud-Vietnam)

NĂM 1941
(Année)

SỐ HIỆU 81
(Acte N°)

Tên, họ đứa con nít (Nom et prénom de l'enfant)	LỚT CUỘC
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	Do án nguyên đơn số 2078, ngày 18-1-1961, Toà Sơ-Thẩm Vinhlong phán rằng:
Sinh ngày nào (Date de naissance)	tên Tiên-thị-Ngà, nữ, sinh ngày 15
Sinh tại chỗ nào (Lieu de naissance)	tháng 10 năm 1941, tại xã Bình-Ninh
Tên họ cha (Nom et prénom du père)	(Căn-thờ) nay là Vinhlong, con chánh-thức của
Cha làm nghề gì (Sa profession)	của Tiên-văn-Cửu (chết) và của Nguyễn-
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	thị-Lãnh ./.
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	Vinhlong, ngày 10-10-1961
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	Chánh Lục-Sự,
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Ký tên : Huỳnh-Kim-Khiết (Nhận dấu)
Vợ chánh hay vợ thứ (Son rang, co femme mariée)	

Chúng tôi, Lê-văn-Đầu, Thẩm-Phán

(Nous)

T.U.N. Chánh-án Toà Vinhlong

(Président du Tribunal)

Đứng cho hợp-pháp chữ ký tên của
(Certifions l'authenticité de la signature de)

Ông Võ-Thành-Liêm

(M.)

Chánh Lục-sự Toà-án sơ tại
(Greffier en chef du tribunal)

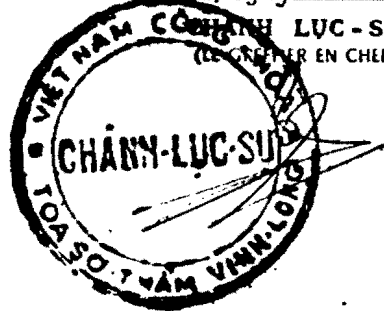
Vinhlong ngày 12/5 1965

T. U. N. CHÁNH-ÁN,
(PRÉSIDENT),



Trích y bản chánh,
(Pour extrait conforme),

Vinhlong ngày 12/5 1965



Giá tiền : 500

(Coût)

Biên-lai số : 2125

(Quittance N°)

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH ĐÀ NẴNG

BẢN TRÍCH LỤC

Xã ĐÀ NẴNG

BỘ HÔN-THÚ (Hôn/Hôn/Hôn)

Năm 1966Số hiệu: 27

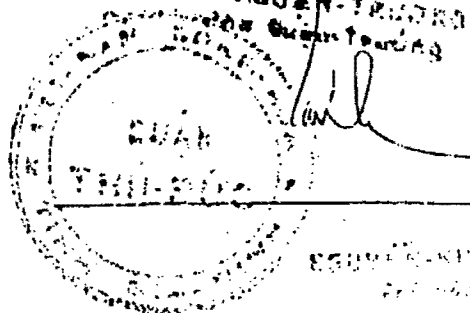
Người chồng : (Tên, họ)	<u>Lê-quang-ôn</u>
Sanh tại :	<u>CC BD Frederic Brouhet</u>
Sanh ngày :	<u>04 tháng 4 năm 1940</u>
Cha chồng : (Tên họ, sống chết phải nói)	<u>Lê-văn-Tây (chết)</u>
Mẹ chồng : (Tên họ, sống chết phải nói)	<u>Nguyễn-Văn-Anh (sống)</u>
Người vợ : (Tên họ)	<u>Nguyễn-Thị-Huyền</u>
<u>Vợ (tên, họ, hay vợ thứ)</u>	<u>//</u>
Sanh tại :	<u>Lâm-Bình (Đã-Tho)</u>
Sanh ngày :	<u>15 tháng 10 năm 1943</u>
Cha vợ : (Tên họ, sống chết phải nói)	<u>Trần-văn-Cần (chết)</u>
Mẹ vợ : (Tên họ, sống chết phải nói)	<u>Nguyễn-Thị-Linh (sống)</u>
Ngày cưới :	<u>Mười ba tháng tám năm một nghìn chín trăm sáu mươi sáu.</u>
Vợ chồng có khai nhận con tư-sanh làm con chánh-thức không ? Họ, tên, tuổi, ngày sanh, nơi sanh, của mỗi con tư-sanh nhận là con chánh-thức:	<u>//</u>

Chứng thật chữ ký bên đây là của Ông Chủ-Tịch
kính Ủy-viên Hộ-tịch Xã

ngày 15 tháng 6 năm 1966

Trần-văn-Cần Ủy-viên Hộ-tịch Xã

Trích y bản chánh :

, ngày 15 tháng 6 năm 1966Trần-văn-Cần Ủy-viên Hộ-tịch Xã

AN PHAM
ANH SAIGON .

VIỆT NAM CỘNG HÒA

TRÍCH - LỤC BỘ KHAI - SINH

Số 2155 .

Nam một ngàn chín trăm sáu mươi bảy (1967) .

Tên, họ đứa nhỏ : LÊ THỊ HỒNG LIÊN

Giới : Nữ

Ngày sinh : Hai tháng ba năm một ngàn chín trăm sáu mươi bảy
12/03/67 (1967)

Nơi sinh : Sài Gòn , 455 Phan Đình Phùng

Tên họ người Cha : LÊ QUANG TÂN

Nghề-nghiệp : Quân-nhân .

Nơi cư-ngụ : Sài Gòn , 576/126 , Phan Thanh Giản .

Tên, họ người Mẹ : MIỀN THỊ NGÀ

Nghề-nghiệp : Nội-trợ .

Nơi cư-ngụ : Sài Gòn , 576/126 , Phan Thanh Giản .

Vợ chính hay thứ : Vợ Chính .

MIỀN LÊ PHÍ
Con nêphê sơ của Đại

Số Y BẰN CHÍNH

BC 3156, Ngày 26 tháng 06 năm 1974

Đại tá LÊ HỒNG GIÁC
Đại tá Trương Đại Đại 36 QĐ ĐINH .

TRÍCH LỤC Y BẰN CHÍNH

Sài Gòn ngày 9 tháng 3 năm 1967 .

TN, Do-Trưởng Sài Gòn.

TL. JUAN-TRUONG, JUAN BA,
(Ký tên và đóng dấu)

NGUYỄN PHƯỚC HOÀ .

NAM PHÂN
ĐO THÀNH SAIGON
TÒA HÀNH CHÍNH QUẬN 3
SỐ HIỆU 861.

VIỆT - NAM CỘNG - HOA

HỘ-TỊCH

TRÍCH LỤC BỘ KHAI SINH.

Năm một ngàn chín trăm sáu mươi tám.

Tên, họ đứa nhỏ	: Lê Thị Hồng Vân.
Phụ nữ	: Nữ
Ngày sinh	: Mười tám tháng chín năm một ngàn chín trăm
	: sáu mươi tám.
Nơi sinh	: Sài Gòn 55 Phạm Đình Phùng.
Tên họ người Cha	: Lê Quang Tài.
Thời	: Hai mươi tám.
Nghề nghiệp	: Quên-nhận.
Nơi cư-ngụ	: Sài Gòn 578/126 Phạm Thanh Giản.
Tên họ người Mẹ	: Tôn Thị Nga.
Thời	: Hai mươi bảy.
Nghề-nghiệp	: Ngồi-Trợ
Nơi cư-ngụ	: Sài Gòn 518/120 Phạm Thanh Giản.
Vợ chánh hay thứ	: Vợ Chánh.

SỐ T BẢN CHÍNH

Làm tại Sài Gòn ngày 21 tháng 9 năm 1968.

TRÍCH LỤC T BẢN CHÍNH T/3

Sài Gòn ngày 2 tháng 10 năm 1968

T/Quên-Trưởng Quận 3.

(Ký tên và đóng dấu)

NGUYỄN PHƯỚC HOÀ

KBC 3156 Ngày 26 tháng 08 năm 1974

ĐẠI LƯƠNG LÊ HỒNG GIAO

Đại-Đại-Trưởng Đại-Đại 36 QC/BTP.

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

TỈNH GIA-ĐÌNH
QUẬN THỦ-ĐỨC

HỒ-SƠ QUẢN-TRẠNG

BẢN TRÍCH-LỤC

Xã TĂNG-NHON-PHÚ

BỘ KHAI - SINH

Năm 1970

Số hiệu 347

Tên họ ấu nhi	IS-QUANG-LIỆP
Phái	Nam
Sinh (ngày tháng năm)	Ngày bảy tháng sáu, năm một hồi chín trăm bảy mươi, 3 giờ.
Tại	Tăng-nhon-Phú (Xã-anh-Trần-Công)
Cha (Tên họ)	Lê-Quang-Tên
Nghề	Quản-nhôn
Cư trú tại	HAC-3644/45
Mẹ (Tên họ)	Tiêu-thị-Huyền
Nghề	Quản-bán
Cư trú tại	Số 58/5/47 Phan-Thanh-Giàu, Sài-Gòn
Tên	Tên

KIẾN THỊ VÀ CHỨNG THỰC

Chữ ký của Ông Phó Xã-trưởng H.C
Xã Tăng-nhon-Phú ngang đây.

Thủ-Đức, ngày 30 tháng 6 năm 1970

TUN. QUẢN-TRƯỞNG

CHỨNG THỰC

Chữ ký lên đây của Ông Ủy-Viên Hộ-Tịch

Tăng-nhon-Phú, ngày 1 tháng 6 năm 1970

T.L. XÃ-TRƯỞNG

TRÍCH Y BẢN CHÁNH

Tăng-nhon-Phú, ngày 10 tháng 6 năm 1970

ỦY VIÊN HỘ TỊCH

HUYỀN-VYÊN-MƯỢT

TRẦN NGỌC-LANG

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

TỈNH GIA-ĐÌNH
QUẬN THỦ-ĐỨC

q/10b

Xã TĂNG-NHƠN-PHÚ

BỔN TRÍCH - LỤC
BỘ KHAI - SINH

Năm 1.972

Số hiệu 98

Tên họ ấu nhi	LÊ-THỊ-NHUNG-LOAN
Phái	NỮ
Sinh	Ngày mười lăm tháng hai năm một nghìn chín trăm bảy mươi hai, Quê.
(ngày tháng năm)	
Tại	Tăng-Nhơn-Phú (Bảo Sản TRẦN-CÔNG)
Cha	LÊ-QUANG-TÂN
(Tên họ)	
Nghề	Quân Nhân
Cư trú tại	K.B.C 4.636
Mẹ	TIỀN-THỊ-NGAI
(Tên họ)	
Nghề	Nội Trợ
Cư trú tại	Số 528/5/47 Phan-Thành-Giám
Vợ	Vợ chính
(Chính hay thứ)	

MIỀN - THỊ - THỰC

TC. Thông Tư số 4366/BNV/HC/29
ngày 3-8-70 của Bộ Nội-Vụ

Trích y bốn chánh :

Tăng-Nhơn-Phú, ngày 21 tháng 02 năm 19 72

ỦY-VIÊN HỘ-TỊCH

Ủy-Viên VH/Xã-Nội kiêm Hộ-Tịch,

NGUYỄN-VĂN-CHÂN.

THÀNH PHỐ HỒ-CHÍ-MINH

ỦY-BAN NHÂN-DÂN C.M.
Binh-Thành

Quận _____
Phường (Xã) _____

BẢN-SAO KHAI-SANH

Số hiện 0455

Năm 1974

Lập ngày 27 tháng 12 năm 197 4

Họ tên	LÊ QUANG MINH
Trai hay gái	Trai
Ngày, tháng, năm sanh	Ngày hai mươi hai, tháng mười hai năm một ngàn chín trăm bảy mươi tư
Nơi sanh	Bình-Hòa xã
Họ tên, quốc tịch cha	LÊ QUANG TÂN. VN.
Họ tên, quốc tịch mẹ	TIỀN THỊ NGÀ. VN.
Cha mẹ có hôn thú không	Có

SAO LỤC

Thành-phố HỒ-CHÍ-MINH, ngày 04 tháng 9 năm 197 6

ỦY-VIÊN HỘ-TỊCH



LÊ NGHI EM

THAY ĐỔI CHỖ Ở CẢ HỘ

Chứng nhận đã chuyển đến ở: _____

Chứng nhận đã chuyển đến ở: _____

Từ ngày _____ tháng _____ năm _____
Ký tên đóng dấu

Từ ngày _____ tháng _____ năm _____
Ký tên đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển đến ở: _____

Chứng nhận đã chuyển đến ở: _____

Từ ngày _____ tháng _____ năm _____
Ký tên đóng dấu

Từ ngày _____ tháng _____ năm _____
Ký tên đóng dấu

NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc

BẢN SAO

GIẤY CHỨNG NHẬN HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ THÀNH PHỐ

Số 950200 CN

Họ và tên chủ hộ: TIỀN THỊ NGÂN

Ấp, ngõ, số nhà: 21/49

Thị trấn, đường phố: Thị trấn Dầu

Xã, phường: Thị trấn Dầu

Huyện, quận: Thị trấn Dầu

Ngày 10 tháng 03 năm 198 2

Trưởng Công an THỊ ĐỨC
(Ký tên đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Số NK: _____

TIỀN THỊ NGUYỄN THAI HỒNG

ĐƠN ÁO Ủ ĐỒ ĐỒ YÁNH

THÀNH PHỐ
HỒ CHÍ MINH

100

TRƯƠNG MINH THÔNG

MISSISSAUGA, JULY 15, 1989.

Kính thưa bà hội trưởng.

Hồ sơ của Lê Quang Tân tôi đã gửi đến quý hội vào khoảng tháng năm (5) năm 1989; Trong hồ sơ đó tôi ghi không đúng chính xác, nay tôi ~~tổ~~^đ túc thêm, Nêu thuận tiện, Thỉnh cầu Bà xem lại và giúp đỡ cho.

Mọi thư từ, liên lạc về vấn đề trên xin Bà gửi về:

Nguyễn Văn Sáng

CANADA

Xin trân thành cảm ơn

Nguyễn Văn Sáng

Nguyễn Văn Sáng



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV.# _____
VEWL.# _____
I-171: Y N

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM LE QUANG TAN
Last Middle First

Current Address: B 49 ẤP THANH PHÚ XÃ TÂN NHƠN PHÚ HUYỆN THỦ ĐỨC
TP HO CHI MINH (VN)

Date of Birth: April 4th 1940 Place of Birth: SAIGON

Previous Occupation (before 1975) FIRST LIEUTENANT, ASSISTANT Co Commander
(Rank & Position) the 42 Company MPCI

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From April 30, 1975 To May 31, 1978
Years: 3 Months: 1 Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: Captain JILLISAR, MAC GREEVY, FOVAD AIDE the MP SCHOOL
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
<u>VO THAI THU HA</u>	<u>NEPHEW</u>
<u>LEUYEN VAN SANH</u>	<u>BROTHER IN</u>
	<u>LAU</u>

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: MAY 19th 1989

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP PA.
TIEN THI NGH	1941	WIFE
LE THI HONG LIEN	1967	DAUGHTER
LE THI HONG VAN	1968	DAUGHTER
LE QUANG LIEM	1970	SON
LE THI HONG LOAN	1972	DAUGHTER
LE QUANG MINH	1974	SON

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

ADDITIONAL INFORMATION :

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH

NAME (Ten Tu-nhan) : LE QUANG TAN
 Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)
 DATE, PLACE OF BIRTH : April 4th 1940
 (Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)
 SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): Male Female (Nu): _____
 MARITAL STATUS Single (Doc than): _____ Married (Co lap gia dinh): X
 (Tinh trang gia dinh):
 ADDRESS IN VIETNAM : B49 ấp Thạnh Phú xã Bông nhơn Phố huyện Phú Đức
 (Dia chi tai Viet-Nam) Thạnh Phú Hồ Chí Minh Việt Nam
 POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) X No (Khong)
 If Yes (Neu co): From (Tu): April 30th 1975 To (Den): May 31 1978
 PLACE OF RE-EDUCATION: D 50 SUDAN 4 QUÂN RHU 9 HẬU GIANG
 CAMP (Trai tu)
 PROFESSION (Nghe nghiep): NO DUTY
 EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): Class II in Criminal Investigation Course 1965 at Fort Gordon Georgia
 VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): 1st Lieutenant - Air Co Commander 42 Company APC
 VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): _____ Date (nam): _____
 APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): No
 IV Number (So ho so): _____
 No (Khong): NO RESPONSE
 NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): 6
 (Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi
 MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): B49 ấp Thạnh Phú xã Bông nhơn
Phố huyện Phú Đức Tỉnh Phú Mỹ Việt Nam
 NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro
NGUYEN XUAN SANH
 U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky): Yes (co): _____ No (Khong): _____
 RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): BROTHER IN LAW
 NAME & SIGNATURE: LE QUANG TAN Leun B49 ấp Thạnh Phú xã
 ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
 (Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay) ấp Bông nhơn Phố huyện Phú Mỹ VN
 DATE: MAY 19th 1989
 Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
TIEN THI NGA	1941	WIFE
LE THAI HONG LIEN	1967	DAUGHTER
LE THAI HONG VAN	1968	DAUGHTER
LE QUANG LIEM	1970	SON
LE THAI HONG LOAN	1972	DAUGHTER
LE QUANG MINH	1974	SON

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

ADDITIONAL INFORMATION :

HỒ CHI MINH CITY 15 July 1972

TO: THE ORDERLY DEPARTURE PROGRAM OFFICE

131 SOIT IEN SIANG SOUTH SATHORN ROAD

BANGKOK 12 THAILAND

SUBJECT: Request for immigration to the USA under the Orderly
Departure Program (O.D.P.)

Dear Sir:

I undersigned: LÊ QUANG TÂN

Date and place of birth: April 4, 1940 at Saigon (South Vietnam)

Nationality: Vietnamese

Family status: wife and five (5) children

Home address: B-49 ấp Ch� Nhỏ, xã Tăng Nhơn Phú, huyện
Phủ Đước, thành Phố Hồ Chí Minh (U.N.)

Education: College (Baccalaureat)

Military status before April 30 1975

Rank: 1st Lieutenant of the A.R.V.N. Branch: Military

Serial number: 60 / 138 129 Police (C.I.)

Occupation: Assistant company commander

Unit: the 42 Military Police Criminal Investigation Company

after April 30 1975

Camp of reeducation from: April 30 1975 to May 31 1978

Release from: May 31 1978

Due to the difficulty of my situation and based on
the authority of your organisation and the spirit of your
humanitarian act.

I wish to request your assistance and intervention with
the Government of the Socialist Republic of Vietnam, in order that

I and my family may be authorized to leave Vietnam under your arrangement and protection and under the Ordinary Departure Program (O.D.P) and to immigrate to the U.S.A for the purpose of seeking a new life.

Following are my relatives to be evacuated with me to the U.S.A

Full name	Date and place of birth	Sex	Relationship
TIEN THI NGA	October 15 1941 at An Tho	Female	wife
LE THI HONG LIEN	March 2 1967 at Saigon	Female	daughter
LE THI HONG VAN	September 18 1963 at Saigon	Female	daughter
LE QUANG LIEM	June 7 1970 at Phu Duc	Male	son
LE THI HONG LOAN	February 15 1972 at Phu Duc	Female	daughter
LE QUANG MINH	December 22 1974 at Gia Dinh	Male	son

Your approval on the above to help me through your humanitarian act will be highly appreciated.

Respectfully yours

Law

LE QUANG TAN

INTAKE FORM (Two Copies)
 MAU DON VE LY-LICH

NAME (Ten Tu-nhan) : LEE QUANG TAN
 Last (Ten Họ) Middle (Giua) First (Ten gọi)
 DATE, PLACE OF BIRTH : April 4th 1940
 (Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)
 SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): Male Female (Nu): _____
 MARITAL STATUS Single (Doc than): _____ Married (Co lap gia dinh): X
 (Tinh trang gia dinh):
 ADDRESS IN VIETNAM : B49 ấp Thạnh Phú xã Bông nhơn Phú huyện Phú Đức
 (Dia chi tai Viet-Nam) Thạnh Phú Hồ Chí Minh Việt Nam
 POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) X No (Khong)
 If Yes (Neu co): From (Tu): April 30th 1975 To (Den): May 31 1978
 PLACE OF RE-EDUCATION: D 5 C SÚC LÂN 4 QUẬN PHÚ 9 HẢI GIANG
 CAMP (Trai tu)
 PROFESSION (Nghe nghiep): NO DUTY
 EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): Class II in Criminal Investigation Course 1965 at Fort Gordon Georgia
 VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): 1st Lieutenant Air Co Commander 43 Company APC
 VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): _____ Date (nam): _____
 APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): No
 IV Number (So ho so): _____
 No (Khong): NO RESPONSE
 NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): 6
 (Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi
 MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): B49 ấp Thạnh Phú xã Bông nhơn
Phú huyện Phú Đức Tỉnh Phú Hồ Chí Minh Việt Nam
 NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro
NGUYEN XUAN SANH
 U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky): Yes (co): _____ No (Khong): _____
 RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): BROTHER IN LAW
 NAME & SIGNATURE: LE QUANG TAN Levan B49 ấp Thạnh Phú xã
 ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
 (Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay) Bông nhơn Phú Hồ Chí Minh VN
 DATE: MAY 19th 1989
 Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
TIEN THI NGA	1941	WIFE
LE THI HONG LIEN	1967	DAUGHTER
LE THI HONG VAN	1968	DAUGHTER
LE QUANG LIEM	1970	SON
LE THI HONG LOAN	1972	DAUGHTER
LE QUANG MINH	1974	SON

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

ADDITIONAL INFORMATION :



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV.# _____
VEWL.# _____
I-171: Y N

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM LE QUANG TAN
Last Middle First

Current Address: B 49 ẤP THANH PHÚ XÃ TÂN NHƠN PHÚ HUYỆN THỦ ĐỨC
TP HO CHI MINH (VN)

Date of Birth: April 4th 1940 Place of Birth: SAIGON

Previous Occupation (before 1975) FIRST LIEUTENANT, ASSISTANT Co Commander
(Rank & Position) the 42 Company MPCI

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From April 30, 1975 To May 31, 1978
Years: 3 Months: 1 Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: Captain SILLAS, MAC GREEVY, FOVAD AIDE the MP SCHOOL
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
<u>VO THI THU HA</u>	<u>NEPHEW</u>
<u>ACUYEN VAN SANH</u>	<u>BROTHER IN</u>
<u>LA W 3 JB</u>	<u>LAN</u>

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: MAY 19th 1989

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP PA.
TIEN THI ANH	1941	WIFE
LE THI HONG LIEN	1967	DAUGHTER
LE THI HONG VAN	1968	DAUGHTER
LE QUANG LIEM	1970	SON
LE THI HONG LOAN	1972	DAUGHTER
LE QUANG MINH	1974	SON

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

ADDITIONAL INFORMATION :

HỒ CHÍ MINH CITY 15 July 1982

TO: THE ORDERLY DEPARTURE PROGRAM OFFICE

131 SOUTHIEN SIANG SOUTH SATHORN ROAD

BANGKOK 12 THAILAND

SUBJECT: Request for immigration to the USA under the Orderly
Departure Program (ODP)

Dear Sir:

I undersigned: L.E. QUANG TAN

Date and place of birth: April 4, 1940 at Saigon (South Vietnam)

Nationality: Vietnamese

Family status: wife and five (5) children

Home address: B-48 ấp Chợ Nhỏ, xã Tăng Nhơn Phú, huyện
Phước Đức, thành phố Hồ Chí Minh (U.N.)

Education: College (Baccalaureat)

Military status before April 30 1975

Rank: 1st Lieutenant of the P.R.V.N. Branch: Military

Serial number: 60 / 138 129 Police (C.I.)

Occupation: Assistant company commander

Unit: the 42 Military Police Criminal Investigation Company

after April 30 1975

Camp of reeducation from: April 30 1975 to May 31 1978

Release from: May 31 1978

Due to the difficulty of my situation and based on
the authority of your organisation and the spirit of your
humanitarian act.

I wish to request your assistance and intervention with
the government of the Socialist Republic of Vietnam, in order that

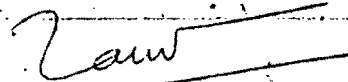
I and my family may be authorized to leave Vietnam under your arrangement and protection and under the Ordinary Departure Program (O.D.P) and to immigrate to the USA for the purpose of seeking a new life.

Following are my relatives to be evacuated with me to the USA.

Full name	Date and place of birth	Sex	Relationship
TIÊN THỊ NGÀ	October 15 1941 at An Tho	Female	wife
LÊ THỊ HỒNG LIÊN	March 2 1957 at Saigon	Female	daughter
LÊ THỊ HỒNG VÂN	September 18 1963 at Saigon	Female	daughter
LÊ QUANG LIÊM LIÊM	June 7 1970 at Thủ Đức	Male	son
LÊ THỊ HỒNG LOAN	February 15 1972 at Thủ Đức	Female	daughter
LÊ QUANG MINH	December 22 1974 at Gia Định	Male	son

Your approval on the above to help me through your humanitarian act will be highly appreciated.

Respectfully yours



LÊ QUANG TÂN

FR: NGUYEN VAN SANH

CANADA .

TO: MRS. KHUC MINH THU
P.O. BOX 5435. ARLINGTON.
VA 22205-0635

U.S.A.



TO: VÕ THỊ THU HÃ

Fa: VÕ THỊ THU HÀ



TO: HỘI GIA ĐÌNH TŨ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM

P.O. BOX 5435

ARLINGTON, VA 22205-0635

SEP 26 1989

* HỒ SƠ BỔ TÚC CHO:
LÊ QUANG TÂN

FR: NGUYEN VAN SANH

CANADA



TO: MR S. KHLIC MINH, THI
P.O. BOX 5435, ARLINGTON
VA 22205-0635

USA

JUL 25 1989



Lê quang Bân
• 1940

Biên thị Ngã
1941

Lê thị Hồng Liên
1967

Lê thị Hồng Vân
1968

Lê quang Liêm
1970

Lê thị Hồng Loan
1972

Lê quang Minh
— 1974

CONTROL

☐ Card
☒ Doc. Request; Form 08/22/89
☐ Release Order
☐ Computer
☐ Form "D"
☐ QDP/Date
☐ Membership; Letter

FR: SANH NGUYEN
[REDACTED]
[REDACTED]
CANADA